

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 05/2025/ST-DS

Ngày 22 - 9 - 2025

***“Về việc: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luân;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Thủy;

Bà: Lưu Thị Bích Giang.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông A Dáo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11-Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu P - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11-Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2024/TLST- DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST- DS ngày 05 tháng 9 năm 2025; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP P1 (H1); Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T; chức vụ: Tổng giám đốc; địa chỉ trụ sở: Số B Bis N, phường B, quận A, TP ..

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết H; chức vụ: Phó giám đốc phụ trách H1 phòng H1. Văn bản ủy quyền thường xuyên; Quyết định số: 3385/2024/QĐ- TGD ngày 22/8/2024 của Tổng giám đốc Ngân hàng H1.

+ Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Anh T1; chức vụ: Chuyên viên QHKhCN Ngân hàng H1 (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M; cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 14 – 11 - 2022 Ngân Hàng H1 – Chi nhánh K - Phòng giao dịch huyện Ngọc Hồi ký Hợp đồng tín dụng số: 0257/22/PGDNH/HĐTD với ông Đỗ Văn R, bà Nguyễn Thị M để ngân hàng cho ông R, bà M vay tiền 100.000.000 đồng và ngày 06 - 6 - 2023 Ngân Hàng H1 – Chi nhánh K - Phòng giao dịch huyện N lại ký Hợp đồng tín dụng số: 0162/23/PGDNH/HĐTD, với ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M để ngân hàng cho ông R, bà M vay tiền 130.000.000 đồng. Quá trình vay vốn, trả nợ: Theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0257/22PGDNH/KUNN01 ngày 14/11/2022 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0162/23PGDNH/KUNN01 ngày 06/6/2023 và các phiếu chiết tính thu nợ vay ông R và bà M đã trả được 8.600.000 đồng nợ gốc và 10.312 đồng tiền lãi. Tài sản thế chấp đảm bảo các khoản tiền vay đều là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp GCNQSDĐ số seri CH 283318, do UBND huyện N cấp ngày 22/4/2019; tại Thửa đất 22, tờ bản đồ số 24; mục đích sử dụng đất: Trồng cây lâu năm; diện tích đất là 9.560m², thời hạn sử dụng đất đến ngày 01/7/2064. Diện tích đất thế chấp là 9.560m². Vị trí thửa đất: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M; cùng địa chỉ thường trú: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; đất được đăng ký thế chấp ngày 09/5/2019 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngân hàng ký với ông R, bà M Hợp đồng thế chấp QSDĐ số: 0193/19PGDNH/HĐBĐ ngày 09/5/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp QSDĐ ngày 09/11/2021 được Phòng C chứng thực cùng ngày. Theo biên bản thỏa thuận về giá giữa ngân hàng và ông R, bà M ngày 06/6/2023 tổng giá trị tài sản thế chấp là 402.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ngân hàng đã nhiều lần đến nơi ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M cư trú, đôn đốc đòi nợ nhưng ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M đã bỏ đi khỏi địa phương, đi nơi khác để sinh sống nhưng không thông báo cho ngân hàng biết nơi cư trú mới; ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2024 Ngân hàng kiện đòi ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M phải trả cho ngân hàng tổng số tiền nợ vay là 267.229.273 đồng; trong đó: Tiền vay nợ gốc là 221.400.000 đồng; tiền tổng nợ lãi là 49.868.884 đồng, gồm nợ lãi trong hạn là 20.374.247 đồng, nợ lãi quá hạn là 29.494.637 đồng.

Tại phiên tòa: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến, tính đến hôm nay (22/9/2025), ngân hàng H1 – Chi nhánh K - Phòng giao dịch huyện N kiện đòi ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M phải trả cho ngân hàng tổng số tiền nợ vay là 310.452.666 đồng; trong đó: Tiền vay nợ gốc là 221.400.000 đồng; tiền tổng nợ lãi là 89.052.666 đồng, gồm nợ lãi trong hạn là 20.363.935 đồng, nợ lãi quá hạn là 68.688.731 đồng.

Sau phiên tòa, ngân hàng yêu cầu ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M phải trả tiền nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 0162/23/PGDNH/HĐTD ngày 06-6-2023 (gộp hai hợp đồng). Nếu ông Đỗ Đăng R1 và bà Nguyễn Thị M không trả nợ cho ngân hàng, đề nghị cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đảm bảo vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp GCNQSDĐ số seri CH 283318, do UBND huyện N cấp ngày 22/4/2019; tại Thửa đất 22, tờ bản đồ số 24; mục đích sử dụng đất: Trồng cây lâu năm; diện tích đất là 9.560m², thời hạn sử dụng đất đến ngày 01/7/2064. Diện tích đất thế chấp là 9.560m². Vị trí thửa đất: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M; cùng địa chỉ thường trú: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum để trả nợ cho ngân hàng và nếu giá trị tài sản đảm bảo vay tiền nói trên không đủ trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng đề nghị cơ quan chức năng thu tiền hoặc bán đấu giá tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp khác của ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M để trả hết nợ cho ngân hàng.

Do ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M bỏ địa phương, đi nơi khác sinh sống và không báo cho ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, để cấp tổng đạt triệu tập ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M đến Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi đã lập biên bản ngày 28/4/2025 niêm yết thông báo, triệu tập cho ông R, bà M theo pháp luật; các ngày 08/8/2025, 22/8/2025 Toà án khu vực 11-Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi lập biên bản niêm yết thông báo, triệu tập cho ông R, bà M theo pháp luật để ông bà đến toà án thực hiện việc Kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, hoà giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa vào ngày 05/9/2025; niêm yết quyết định hoãn phiên tòa ngày 05/9/2025 cho ông R, bà M tham gia tố tụng tại tòa án nhưng ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M không đến tòa án để làm việc, không có bản tự khai, không tham gia các hoạt động tố tụng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau:

Về tố tụng vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, thủ tục xét xử vắng mặt ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, không chấp hành nghiêm quy định của pháp luật tức là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 119, 299, 317, 318, 320, 321, 323, 463, 468, 470 Bộ luật dân sự; các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Chấp nhận đơn kiện của ngân hàng H2 buộc ông Đỗ Đăng R1 và bà Nguyễn Thị M phải trả

cho ngân hàng tổng số tiền nợ vay là 310.452.666 đồng; trong đó: Tiền vay nợ gốc là 221.400.000 đồng; tiền tổng nợ lãi là 89.052.666 đồng. Nếu ông Đỗ Đăng R1 và bà Nguyễn Thị M không trả nợ cho ngân hàng, đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo để trả nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 144, 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Đỗ Đăng R1 và bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí có giá ngạch 15.522.633 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và trên cơ sở ý kiến của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều lệ ngân hàng TMCP P2; [Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh; mã số 00001; đăng ký lần đầu ngày 07/6/2018; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26/3/2024, do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh K cấp. Ngân hàng H2 - Phòng giao dịch huyện H1 khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M phải trả nợ tiền vay là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; quan hệ pháp luật phải giải quyết là dân sự, vụ án giải quyết “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; đối tượng của quan hệ có tranh chấp giữa các đương sự là tiền của ngân hàng \(Tài sản công\). Ngân hàng khởi kiện ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 11-Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng quy định của pháp luật dân sự. Theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự; vận dụng \[Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC, ngày 01/8/2012; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thuộc trường hợp phải tiến hành tố tụng tại phiên tòa.\]\(#\)](#)

Ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M khi ký kết hợp đồng vay tiền, nhận tiền vay có địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum sau đó ông, bà bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo cho Ngân Hàng H2 – Phòng giao dịch huyện H1 biết địa chỉ nơi cư trú mới là thuộc trường hợp đương sự cố tình dấu địa chỉ; ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M chưa có bản tự khai, không tham gia các hoạt động tố tụng; ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M vắng mặt 2 lần tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vận dụng Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vụ án vắng mặt ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp bất động sản giữa ngân hàng với ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M; Hội đồng xét xử nhận định:

Nội dung vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng; các bên vay tiền và cho vay tiền đều nhằm mục đích thu lợi nhuận, một bên không có giấy phép đăng ký kinh doanh. Do vậy quan hệ pháp luật phải giải quyết là dân sự, theo quy định của Bộ luật dân sự, tố tụng dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng các bên đã ký là phù hợp các quy định của pháp luật.

Hợp đồng thế chấp bất động sản; theo quy định tại Điều 319 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Ngân Hàng H2 – Phòng giao dịch huyện H1 và ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M ký Hợp đồng thế chấp bất động số: 0193/19PGDNH/HĐBĐ ngày 09/5/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp QSDĐ ngày 09/11/2021 được Phòng C chứng thực cùng ngày; giá trị tài sản thế chấp là 402.000.000 đồng, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp GCNQSDĐ số seri CH 283318, do UBND huyện N cấp ngày 22/4/2019; tại Thửa đất 22, tờ bản đồ số 24; mục đích sử dụng đất: Trồng cây lâu năm; diện tích đất là 9.560m², thời hạn sử dụng đất đến ngày 01/7/2064. Diện tích đất thế chấp là 9.560m². Vị trí thửa đất: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M; cùng địa chỉ thường trú: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Hợp đồng thế chấp bất động sản ký giữa ngân hàng và ông Đỗ Văn R, bà Nguyễn Thị M được đăng ký thế chấp ngày 09/5/2019 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền ký xác nhận, tài sản đủ điều kiện để đảm bảo cho khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng. Hợp đồng thế chấp bất động sản là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định: Từ các chứng cứ đã thu thập được có đủ căn cứ xác định, tính đến ngày 22/9/2025 ông Đỗ Văn R, bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân Hàng H2 - Phòng giao dịch huyện N tổng số tiền nợ vay là 310.452.666 đồng; trong đó: Tiền vay nợ gốc là 221.400.000 đồng; tiền tổng nợ lãi là 89.052.666 đồng, gồm nợ lãi trong hạn là 20.363.935 đồng, nợ lãi quá hạn là 68.688.731 đồng.

Vì vậy; theo quy định tại khoản 1 Điều 275, các Điều 292, 293, 298, 307, 317, 318, 319, 320 và 322; các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 12 của Luật ngân hàng N; Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, các Điều 9, 10, 22, 52 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; cần phải buộc ông Đỗ Văn R, bà Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nêu trên. Nếu ông Đỗ Văn R, bà Nguyễn Thị M không trả nợ; thì nguyên đơn hoặc đại diện hợp pháp của nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tuyên bố phát mại tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng, theo Điều 5 Hợp đồng tín dụng và Điều 8 Hợp đồng thế chấp bất động sản các đương sự đã ký kết; trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Đỗ Văn R, bà Nguyễn Thị M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng bằng tiền hoặc giá trị tài sản hợp pháp khác của ông, bà để trả hết toàn bộ số nợ nói trên cho ngân hàng.

[4]. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Chi phí tố tụng: Căn cứ các Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc ông Đỗ Văn R, bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân Hàng H2 – Phòng giao dịch huyện H1 số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Án phí: Ngân hàng không phải chịu án phí. Ông Đỗ Văn R, bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 147, 157, 158, và các Điều 227, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Áp dụng Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 9, 10, 22, 52 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2024 và yêu cầu bổ sung của ngân hàng H2 – Phòng giao dịch huyện H1; Buộc ông Đỗ Văn R, bà Nguyễn Thị M phải trả cho ngân hàng H2 hoặc người đại diện hợp pháp tổng số tiền nợ vay là 310.452.666 đồng; trong đó: Tiền vay nợ gốc là 221.400.000 đồng; tiền tổng nợ lãi là 89.052.666 đồng, gồm: Nợ lãi trong hạn là 20.363.935 đồng, nợ lãi quá hạn là 68.688.731 đồng. Sau phiên tòa, ông Đỗ Văn R, bà Nguyễn Thị M phải tiếp tục trả tiền lãi suất trên số tiền còn nợ cho Ngân Hàng H2 – Phòng giao dịch huyện N theo Hợp đồng tín dụng số: 0162/23/PGDNH/HĐTD ngày 06-6-2023.

Nếu ông Đỗ Văn R, bà Nguyễn Thị M không trả được số tiền nợ nêu trên cho ngân hàng H2; thì ngân hàng H2 hoặc người đại diện hợp pháp được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp GCNQSDĐ số seri CH 283318, do UBND huyện N cấp ngày 22/4/2019; tại Thửa đất 22, tờ bản đồ số 24; mục đích sử dụng đất: Trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng đất đến ngày 01/7/2064. Vị trí thửa đất: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M; cùng địa chỉ thường trú: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum để thu hồi toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp giá trị tài sản thế chấp nói trên được xử lý không đủ để trả nợ cho ngân hàng H2 hoặc người đại diện hợp pháp, thì ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M phải tiếp tục trả hết nợ cho ngân hàng bằng tiền, giá trị tài sản hợp pháp khác của ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M.

Về tiền án phí, chi phí tố tụng:

Buộc ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M phải trả cho ngân hàng H2 - Chi nhánh huyện K số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Buộc ông Đỗ Văn R và bà Nguyễn Thị M phải nộp 15.522.633 đồng (Mười lăm triệu năm trăm hai hai nghìn sáu ba ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước; ngân hàng H2 hoặc người đại diện hợp pháp được trả lại 6.781 đồng (Sáu triệu bảy trăm tám một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002153 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi; nhận lại tiền tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 22/9/2025); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo nói trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thủy Lưu Thị Bích Giang Phạm Hữu L

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Nguyên đơn, đại diện của nguyên đơn;
- Bị đơn, người có QLNVLQ (Niêm yết);
- Phòng THA DS khu vực 11-Quảng Ngãi;
- khí án có hiệu lực;
- Lưu Hồ sơ-Vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luân

